

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 104/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29-9-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản và nợ chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Hiêm

2. Ông Tạ Kỳ Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Phạm Mai L, sinh năm: 1982, (có mặt);

- *Bị đơn:* anh Phạm Văn T, sinh năm: 1978, (vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Phạm Văn R, sinh năm: 1948;

2/ Bà Mai Thị S, sinh năm: 1954;

Cùng địa chỉ: khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; (Tất cả có đơn xin vắng mặt).

3/ Ngân hàng TMCP S2; địa chỉ: 2 N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hồng S1 - Giám đốc Chi nhánh T2; địa chỉ: Số B Đường C, Khu phố C, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, (có yêu cầu xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-7-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Phạm Mai L trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Phạm Văn T tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại xã G, huyện T (nay là phường G, thị xã T), tỉnh Tây Ninh. Ngày cưới bên chồng cho 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền, 01 chiếc nhẫn và cặp nhẫn cưới, số vàng này vợ chồng bán để chi phí hết. Cưới xong vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chị, năm 2014 vợ chồng xây nhà ra ở riêng trên đất của cha mẹ chị cho. Vợ chồng sống đến giữa năm 2021 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do cha mẹ chị chia đất, đo tách giấy đất cho các con, anh T không hài lòng cho rằng đo lần đất của anh, anh la lối kiếm chuyện chửi mắng chị và cha mẹ chị, nói cha mẹ chị là đồ lừa gạt, cho đất mà không tách giấy đất cho anh đứng tên, nên cha mẹ chị tức mới không cho hai vợ chồng đứng tên giấy đất, mà làm lại thủ tục cho một mình chị đứng tên giấy đất, từ đó chị nấu cơm anh không ăn, nên mạnh ai nấy nấu cơm ăn riêng, cũng không ngủ chung luôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, sống ly thân với nhau từ đầu năm 2023. Cũng thời gian này chị phát hiện anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh có đăng hình lên mạng xã hội hai người chụp ảnh chung với nhau, về nhà anh thường xuyên nhắn tin với người phụ nữ đó, chị hỏi thì anh thừa nhận có tình cảm với người đó, chị không biết họ tên địa chỉ người đó, Tết năm 2023 anh T đến nhà người đó ở mấy ngày mới về nhà, gần đây anh T hành hung đánh chị nên chị bỏ vô nhà cha mẹ ruột ở. Do cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng cũng không ở lại được nữa, nên chị xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: có 01 cháu Phạm Mai A, sinh ngày 08-9-2011, hiện chị đang nuôi, chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi con trưởng thành. Tại toà chị yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, do anh T làm kế toán công trình Công ty H, nên có điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung: có căn nhà tường cấp 4 chữ L, ngang 7,2m, dài 20m, xây trên đất của cha mẹ chị là ông Phạm Văn R và bà Mai Thị S đứng tên giấy đất, đã ký hợp đồng tặng cho riêng chị phần đất gắn liền với căn nhà, đang làm thủ tục tách giấy đất cho một mình chị đứng tên, nhà đất tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Chị đồng ý theo kết quả hội đồng thẩm định, định giá tài sản. Chị yêu cầu chia hai, chị có nhu cầu nhận căn nhà, thanh toán lại cho anh T giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà. Ngoài ra không còn tài sản gì khác.

- Về nợ chung: có nợ Ngân hàng TMCP S2 - Chi nhánh T2 số tiền 80.000.000 đồng vào năm 2022, lấy tiền trả nợ tô nhà, chi phí trong gia đình vào năm 2018, chị đã dần hàng tháng, hiện còn nợ 57.780.000 đồng, vay thế chấp quỹ lương giáo viên của chị. Ngoài ra không còn nợ ai. Nay chị yêu cầu chia đôi số nợ trên cho hai vợ chồng cùng trả nợ, nhưng chị lãnh trả nợ cho Ngân hàng, nên tài sản chung trừ số nợ trên còn lại chia đôi. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Phạm Văn T đã được Toà án triệu tập để thu thập chứng cứ, nhưng anh không đến, cũng không cung cấp lời khai, ý kiến của mình cho Toà án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn R và bà Mai Thị S trình bày: Ông bà là cha mẹ của chị Phạm Mai L, vợ chồng Loan T1 cưới nhau sống chung nhà ông bà, sau đó vợ chồng xây nhà ra ở riêng trên đất của ông bà cho, đất thửa nào, tờ bản nào, diện tích bao nhiêu ông bà không biết, đất tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, lúc đó chỉ nói miệng không làm giấy tờ. Sau

đó ông bà đo đất để tách giấy hết cho các con của ông bà, nhưng anh T1 kiểm chuyện chửi mắng gia đình ông bà, nhiều lần đánh chị L trước mặt ông bà, anh T1 còn đòi lấy luôn lời đi cặp nhà chị L, anh T1 đi vô nhà ông bà, ông bà không đồng ý, từ đó anh T1 thường xuyên kiểm chuyện chửi mắng ông bà và chị L, nên gần đây ông bà đã ký hợp đồng tách thửa cho con gái là Phạm Mai L đứng tên phần đất mà chị L, anh T1 đã xây nhà, không cho con rể. Nay vợ chồng chị L, anh T1 ly hôn, tranh chấp tài sản là căn nhà thì do vợ chồng quyết định, còn đất thì ông bà cho riêng con gái là chị L thì do chị L quyết định, ông bà không có ý kiến, về hôn nhân thì do các con quyết định ông bà không có ý kiến. Ngày 09-8-2023 ông bà có đơn xin vắng mặt do cao tuổi, bị bệnh không đến Tòa án được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP S2 - Chi nhánh T2 ông Nguyễn Hồng S1 trình bày: vào ngày 20-9-2022 chị Phạm Mai L có ký hợp đồng vay của Ngân hàng số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay 03 năm, mục đích vay tiêu dùng, vay thế chấp quỹ lương giáo viên của chị L, trả góp hàng tháng gốc và lãi, tính đến ngày 15-8-2023 chị L còn nợ 57.780.000 đồng, hiện chị L vẫn đang trả đúng theo hợp đồng, nên Ngân hàng không yêu cầu giải quyết số nợ trên và không tham gia tố tụng tại Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Anh T1 đã được Tòa án triệu tập để thu thập chứng cứ nhiều lần anh không đến là chưa chấp hành theo quy định của pháp luật. Tòa án triệu tập để xét xử nhưng anh T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Mai L đối với anh Phạm Văn T; về con chung: giao cháu Phạm Mai A, sinh ngày 08-9-2011 cho chị L được quyền nuôi dưỡng, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; về tài sản chung: chấp nhận yêu cầu chia tài sản của chị L đối với anh T, giao cho chị L được sở hữu căn nhà, buộc chị L thanh toán lại giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà cho anh T; về nợ chung: Ngân hàng TMCP S2 không yêu cầu nên không giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* chị L và anh T tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2018, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ đầu năm 2023.

[2.1] Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau. Chị L cho rằng từ năm 2021 xảy ra mâu thuẫn, do cha mẹ chị chia đất, đo tách giấy đất cho các con, anh T cho rằng đo lần đất của anh, anh là lỗi kiểm chuyện chữ mấn chị và cha mẹ chị, nói cha mẹ chị là đồ lừa gạt, cho đất mà không tách giấy đất cho anh T đứng tên, nên cha mẹ chị tức giận mới không cho hai vợ chồng, mà làm lại thủ tục cho một mình chị đứng tên giấy đất, từ đó anh không ăn cơm chị nấu, mạnh ai nấy nấu cơm ăn riêng, cũng không ngủ chung, không ai nói đến ai, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2023. Lúc đó chị phát hiện anh T có tình cảm với người phụ nữ khác, anh có đăng hình lên mạng xã hội hai người chụp ảnh chung với nhau, chị hỏi thì anh thừa nhận có tình cảm với người đó, nên chị xin ly hôn. Toà án đã triệu tập anh T nhiều lần để thu thập chứng cứ, hoà giải nhưng anh không đến, cũng không cung cấp lời khai. Chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà để cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt.

[2.2] Qua xác minh thể hiện: chị L, anh T cưới nhau có xây nhà trên đất của cha mẹ chị L ở còn từ thời gian nào thì không nhớ, anh T có hộ khẩu và đang sinh sống chung nhà với chị L tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, anh T đi làm từ sáng sớm đến chiều tối mới về nhà, chị L làm giáo viên, vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Mai A, sinh năm 2011, về tài sản chung và nợ chung thì không biết, về mâu thuẫn vợ chồng cũng không nghe gì cả, do không ai báo chính quyền địa phương. Toà án có gửi các văn bản tố tụng thì khu phố có giao lại cho anh T đầy đủ, nhưng anh T từ chối không nhận, không ký tên các biên bản tổng đạt, nhưng khu phố vẫn để lại các văn bản tại nhà anh T.

[2.3] Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2023 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 01 cháu Phạm Mai A, sinh ngày 08-9-2011, hiện chị L đang nuôi, chị L yêu cầu được quyền nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng; Anh T không có ý kiến. Xét thấy, cháu Mai A đã trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng muốn sống với chị L, chị L đã nuôi cháu ổn định, cháu phát triển bình thường; anh T có việc làm, có thu nhập ổn định nên anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị L là có cơ sở. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, nghỉ nên giao cháu Mai A cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Mai A đã thành niên và có khả năng lao động sinh sống được, là phù hợp với nguyện vọng của cháu Mai A và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: chị L yêu cầu chia đôi căn nhà tường cấp 4 chữ L, ngang 7,3m, dài 20m, xây trên đất của cha mẹ chị là ông Phạm Văn R và bà Mai Thị S đứng tên giấy đất, đã ký hợp đồng tặng cho riêng chị phần đất gắn liền với căn nhà, đang làm thủ tục tách giấy đất cho một mình chị đứng tên, nhà đất tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Chị L yêu cầu chia hai, chị có nhu cầu nhận căn nhà, thanh toán lại cho anh T giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà. Anh T không có ý kiến.

[4.1] Tài sản là căn nhà đã được Hội đồng thẩm định, định giá tài sản như sau:

- 01 căn nhà tường mái tole, tô và dán gạch men cao 1,6m, nền gạch men, xây dựng năm 2014, có la phong năm 2018, diện tích 7,3m x 17,5m, giá trị còn lại 33,33%, trị giá 137.530.400 đồng;
 - 01 mái hiên sau nhà trụ xi măng nền gạch men, mái tole, diện tích 5,5m x 2,9m, xây dựng năm 2014, giá trị còn lại 30%, trị giá 2.382.900 đồng;
 - Nhà vệ sinh xây tường tô, mái tole, nền gạch men, diện tích 2,7m x 2m, xây dựng năm 2014, giá trị còn lại 30%, trị giá 536.200 đồng;
 - 01 bồn nước Inox loại 1.000 lít, mua năm 2014, trị giá 1.000.000 đồng.
- Tổng cộng 141.449.500 đồng.

[4.2] Xét thấy, căn nhà do anh chị tạo lập, là tài sản chung của vợ chồng, khi ly hôn về nguyên tắc là chia đôi, có xem xét công sức đóng góp của mỗi bên, ưu tiên bảo vệ phụ nữ và trẻ em. Nhưng chị L yêu cầu chia đôi là tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[4.3] Vậy tổng tài sản trị giá 141.449.500 đồng, chia đôi mỗi người được 70.724.750 đồng. Do căn nhà đang xây dựng trên đất của ông Phạm Văn R, bà Mai Thị S là cha mẹ của chị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên cần giao cho chị L được quyền sở hữu căn nhà là phù hợp, chị L có trách nhiệm thanh toán lại cho anh T số tiền chia tài sản là 70.724.750 (làm tròn là 70.725.000) đồng là phù hợp. Riêng quyền sử dụng đất hiện ông R và bà S đứng tên giấy đất, ông bà và chị L không tranh chấp nên không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: chị L khai có nợ Ngân hàng TMCP S2 - Chi nhánh T2 số tiền 57.780.000 đồng, vay để trả nợ xây nhà, vay thế chấp quỹ lương giáo viên của chị, chị yêu cầu chia đôi số nợ trên cho hai vợ chồng cùng trả nợ, nhưng chị lãnh trả nợ cho Ngân hàng, nên tài sản chung trừ số nợ trên còn lại chia đôi. Xét thấy số nợ trên Ngân hàng không yêu cầu nên không giải quyết, do đó không thể xem xét yêu cầu của chị L.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên toà là có căn cứ chấp nhận.

[7] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí thẩm định và định giá tài sản số tiền 3.600.000 đồng, chia hai mỗi người chịu 1.800.000 đồng. Ghi nhận chị L đã nộp 3.600.000 đồng, nên số tiền anh T nộp sẽ hoàn trả lại cho chị L, theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị L chịu 300.000 đồng và 3.536.200 đồng án phí chia tài sản, cộng hai khoản là 3.836.200 đồng; anh T chịu 3.536.200 đồng án phí chia tài sản theo quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 37, 56, 59, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Mai L đối với anh Phạm Văn T. Chị L được ly hôn với anh T.

2. *Về con chung*: giao cháu Phạm Mai A, sinh ngày 08-9-2011 cho chị Phạm Mai L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Mai A đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: giao cho chị Phạm Mai L được quyền sở hữu 01 căn nhà tường mái tole, tô và dán gạch men, nền gạch men, có la phong, diện tích 7,3m x 17,5m, trị giá 137.530.400 đồng; 01 mái hiên sau nhà trụ xi măng, nền gạch men, mái tole, diện tích 5,5m x 2,9m, trị giá 2.382.900 đồng; 01 nhà vệ sinh xây tường tô, mái tole, nền gạch men, diện tích 2,7m x 2m, trị giá 536.200 đồng; 01 bồn nước Inox loại 1.000 lít, trị giá 1.000.000 đồng. Tổng cộng 141.449.500 đồng. Chị L có trách nhiệm thanh toán lại cho anh T số tiền chia tài sản chung là 70.725.000 (*Bảy chục triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng. Căn nhà anh T đang quản lý, nên anh T có trách nhiệm giao lại cho chị L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. *Về nợ chung*: Ngân hàng TMCP S2 - Chi nhánh T2 xác nhận chị L có nợ số tiền tính đến ngày 15-8-2023 là 57.780.000 đồng, Ngân hàng không yêu cầu nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Phạm Mai L chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 3.536.200 đồng án phí chia tài sản, cộng hai khoản là 3.836.200 (*Ba triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm*) đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 2.800.000 (*Hai triệu tám trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số 0027413 ngày 24-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị L còn phải nộp 1.036.200 (*Một triệu không trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm*) đồng tiền án phí; anh Phạm Văn T chịu 3.536.200 (*Ba triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm*) đồng án phí chia tài sản.

6. *Về chi phí tố tụng*: chị L và anh T mỗi người chịu 1.800.000 (*Một triệu tám trăm nghìn*) đồng chi phí thẩm định và định giá tài sản. Ghi nhận chị L đã nộp 3.600.000 (*Ba triệu sáu trăm nghìn*) đồng, nên số tiền anh T nộp sẽ hoàn trả lại cho chị L.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND P. Gia Huỳnh, TX Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị An